

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp không công nhận
là vợ chồng giữa chị T và anh Đ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thái.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST- DS ngày 24/07/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2020, về việc không công nhận là vợ chồng, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1970; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Địa chỉ hiện nay: Tổ 35, khu 4B, phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T và anh Đ vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Văn Đ quen biết nhau từ ở Quảng Ninh và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đã có 3 con chung, quá trình chung sống chị đã nói với anh Đ về quê anh Đ để đăng ký kết hôn, nhưng do mãi làm ăn, hơn nữa đi lại khó khăn nên chị và anh Đ chưa đăng ký kết hôn, đến năm 1997 chị và anh Đ đã nhập khẩu về quê xã P, sau đó vẫn đi lại làm ăn ở Quảng Ninh. Đến đầu năm 2003 giữa chị và anh Đ có mâu thuẫn, quan điểm bất đồng nên anh Đ đã đưa cả 03 con về quê xã P, còn chị vẫn ở Quảng Ninh làm ăn, từ đó đến nay chị và anh Đ sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị với anh Đ không còn, không thể

chung sống cùng nhau được nữa. Chị đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung Là: Vũ Thị L, sinh ngày 01/09/1991 (cháu đã có công ăn việc làm); Vũ Thị L1, sinh ngày 17/08/1993 (cháu đã có gia đình); Vũ Tiến T, sinh ngày 24/01/1998 (cháu đã có công ăn việc làm) hiện nay cả 03 con chung đang ở quê cùng anh Đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Vũ Văn Đ trình bày:

Tôi và chị Lê Thị T chưa đăng ký kết hôn nhưng đã có thời gian chung sống với nhau từ năm 1990 và đã có 3 con chung, quá trình chung sống và mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Chị T xác định tình cảm giữa anh và chị không còn, không thể chung sống được với nhau nữa, chị T đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị T anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị T có 03 con chung đúng như chị T đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Đ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 128 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1990 và đã có 3 con chung nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đầu năm 2003 anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, anh Đ đưa cả 03 con về quê xã P, chị T vẫn ở Quảng Ninh làm ăn từ đó đến nay. Nay chị T đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Đ, anh Đ nhất trí. HĐXX thấy rằng; Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ đã chung sống với nhau như vợ chồng, tại thời điểm năm 1990 anh, chị có đủ điều kiện để làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị T và anh Đ.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ có 03 con chung là Vũ Thị L, sinh ngày 01/09/1991; Vũ Thị L1, sinh ngày 17/08/1993, Vũ Tiến T, sinh ngày 24/01/1998.

Hiện nay các con chung đều đã đến tuổi trưởng thành, tự lập. Cả hai bên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên không xem xét đến việc giao con cho ai nuôi dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Chị T và anh Đ đã tự giải quyết và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận là vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ có 03 con chung là Vũ Thị L, sinh ngày 01/09/1991; Vũ Thị L1, sinh ngày 17/08/1993, Vũ Tiến T, sinh ngày 24/01/1998, các con chung đều đã đến tuổi trưởng thành, tự lập.

3. Án phí: Chị Lê Thị T nộp 300.000 đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002185 ngày 24/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu